BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12/2018/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2018*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Sóc Trăng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2018.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phần đất liền phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Sóc Trăng được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực phần đất liền tỉnh Sóc Trăng.

2. Danh mục địa danh tỉnh Sóc Trăng được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường"; TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố"; TX. là chữ viết tắt của "thị xã"; H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh"; nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ

tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm"; nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH SÓC TRĂNG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Sóc Trăng gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Sóc Trăng	
2	Thị xã Ngã Năm	
3	Thị xã Vĩnh Châu	
4	Huyện Châu Thành	
5	Huyện Cù Lao Dung	
6	Huyện Kế Sách	
7	Huyện Long Phú	
8	Huyện Mỹ Tú	
9	Huyện Mỹ Xuyên	
10	Huyện Thạnh Trị	
11	Huyện Trần Đề	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Khóm 1	DC	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 18"	105° 58' 23"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 19"	105° 58' 21"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 20"	105° 58' 13"					C-48-56-D-d
Khóm 4	DC	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 24"	105° 58' 07"					C-48-56-D-d
cầu 30 tháng 4	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 28"	105° 58' 15"					C-48-56-D-d
cầu C247	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 27"	105° 58' 26"					C-48-56-D-d
đường 30 tháng 4	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng			09° 36' 13"	105° 58' 12"	09° 34' 26"	105° 59' 12"	C-48-56-D-d
đường Hai Bà Trưng	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng			09° 36' 25"	105° 58' 25"	09° 36' 13"	105° 58' 19"	C-48-56-D-d
đường Lý Thường Kiệt	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng			09° 36' 29"	105° 58' 04"	09° 36' 29"	106° 00' 12"	C-48-56-D-d
đường Nguyễn Huệ	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng			09° 36' 29"	105° 58' 04"	09° 35' 42"	105° 58' 56"	C-48-56-D-d
Hòa An Hội Quán (chùa Ông Bổn)	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 23"	105° 58' 26"					C-48-56-D-d
sông Maspero	TV	Phường 1	TP. Sóc Trăng			09° 37' 52"	105° 57' 02"	09° 36' 22"	106° 01' 18"	C-48-56-D-d
Khóm 1	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 01"	105° 57' 46"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 35' 36"	105° 57' 47"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 35' 32"	105° 57' 20"					C-48-56-D-d
Khóm 4	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 08"	105° 57' 32"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 20"	105° 57' 51"					C-48-56-D-d
Khóm 6	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 25"	105° 58' 02"					C-48-56-D-d
Khóm 7	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 35' 58"	105° 57' 14"					C-48-56-D-d
cầu Khánh Hưng	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 30"	105° 57' 36"					C-48-56-D-d
cầu Kinh Xáng	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 55"	105° 57' 43"					C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
chùa Hương Sơn	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 13"	105° 57' 52"					C-48-56-D-d
chùa Vĩnh Hưng	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 35' 40"	105° 58' 01"					C-48-56-D-d
đường 30 tháng 4	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 36' 13"	105° 58' 12"	09° 34' 26"	105° 59' 12"	C-48-56-D-d
đường Nguyễn Trung Trực	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 35' 50"	105° 57' 59"	09° 36' 11"	105° 58' 10"	C-48-56-D-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 35' 22"	105° 57' 51"	09° 36' 33"	105° 57' 57"	C-48-56-D-d
đường Phú Lợi	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 36' 04"	105° 57' 28"	09° 35' 44"	105° 58' 12"	C-48-56-D-d
đường Trần Bình Trọng	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 35' 52"	105° 57' 57"	09° 36' 12"	105° 58' 07"	C-48-56-D-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 36' 01"	105° 56' 52"	09° 36' 06"	105° 58' 16"	C-48-56-D-d
đường Trương Công Định	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 36' 27"	105° 57' 35"	09° 36' 12"	105° 58' 10"	C-48-56-D-d
đường Tuyến tránh Quốc lộ 1	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 37' 58"	105° 57' 07"	09° 34' 05"	105° 56' 47"	C-48-56-D-d
Quốc lộ 1	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-d
tịnh xá Ngọc Khánh	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 35' 39"	105° 58' 00"					C-48-56-D-d
Trường Quân sự Quân khu 9	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 35' 15"	105° 57' 39"					C-48-56-D-d
kênh 8 Thước	TV	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 30' 56"	105° 50' 16"	09° 36' 29"	105° 57' 32"	C-48-56-D-d
kênh Tân Phước - An Tập	TV	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 56"	105° 57' 42"	C-48-56-D-d
kênh xáng Xà Lan	TV	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 36' 34"	105° 57' 57"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-d
rạch Phú Tức	TV	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 36' 16"	105° 56' 18"	09° 36' 17"	105° 57' 22"	C-48-56-D-d
sông Maspero	TV	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 37' 52"	105° 57' 02"	09° 36' 22"	106° 01' 18"	C-48-56-D-d
Khóm 1	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 30"	105° 58' 52"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 59"	105° 58' 28"					C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Khóm 3	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 54"	105° 58' 25"					C-48-56-D-d
Khóm 4	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 44"	105° 58' 23"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 34"	105° 58' 35"					C-48-56-D-d
Khóm 6	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 36' 03"	105° 58' 21"					C-48-56-D-d
Khóm 7	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 38"	105° 58' 04"					C-48-56-D-d
Khóm 8	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 13"	105° 58' 23"					C-48-56-D-d
Khóm 9	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 34' 38"	105° 58' 11"					C-48-56-D-d
chùa Ma Ha Túp (Chùa Dơi)	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 34' 47"	105° 58' 13"					C-48-56-D-d
chùa Nam Sơn	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 54"	105° 58' 24"					C-48-56-D-d
đền thờ Phật Mẫu	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 57"	105° 58' 34"					C-48-56-D-d
đường 30 tháng 4	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 36' 13"	105° 58' 12"	09° 34' 26"	105° 59' 12"	C-48-56-D-d
đường Lê Hồng Phong	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 36' 07"	105° 58' 17"	09° 34' 33"	105° 58' 35"	C-48-56-D-d
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 35' 53"	105° 58' 20"	09° 36' 10"	105° 58' 26"	C-48-56-D-d
đường Phú Lợi	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 36' 04"	105° 57' 28"	09° 35' 44"	105° 58' 12"	C-48-56-D-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 36' 01"	105° 56' 52"	09° 36' 06"	105° 58' 16"	C-48-56-D-d
Đài truyền hình Sóc Trăng	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 28"	105° 58' 29"					C-48-56-D-d
kênh 19 tháng 5	TV	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 33' 08"	105° 56' 23"	09° 34' 56"	105° 57' 46"	C-48-56-D-d
kênh Cô Bắc	TV	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 35' 35"	105° 58' 55"	09° 34' 46"	105° 59' 13"	C-48-56-D-d
Kênh Mới	TV	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 34' 30"	105° 57' 29"	09° 34' 46"	105° 59' 13"	C-48-56-D-d
Khóm 1	DC	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 36' 00"	105° 59' 15"					C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Khóm 2	DC	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 36' 05"	105° 58' 52"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 36' 21"	105° 58' 57"					C-48-56-D-d
Khóm 4	DC	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 35' 49"	105° 59' 37"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 35' 50"	106° 00' 48"					C-48-57-C-c
Khóm 6	DC	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 35' 26"	106° 00' 42"					C-48-57-C-c
chùa Pem Buôl Thmây	KX	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 36' 31"	106° 01' 08"					C-48-57-C-c
đường Bạch Đằng	KX	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 36' 26"	106° 01' 16"	09° 34' 32"	105° 59' 18"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 36' 29"	105° 58' 04"	09° 36' 29"	106° 00' 12"	C-48-56-D-d
đường Mạc Đĩnh Chi	KX	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 36' 20"	105° 58' 28"	09° 35' 28"	106° 00' 34"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
tịnh xá Ngọc Mỹ	KX	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 36' 00"	105° 59' 19"					C-48-56-D-d
kênh Nhân Lực	TV	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 36' 30"	106° 00' 12"	09° 35' 35"	105° 58' 55"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
kênh Quản Khuôl	TV	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 36' 31"	106° 00' 29"	09° 35' 04"	105° 59' 07"	C-48-57-C-c
sông Maspero	TV	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 37' 52"	105° 57' 02"	09° 36' 22"	106° 01' 18"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
sông Saintard	TV	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
Khóm 1	DC	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 37' 02"	105° 58' 53"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 37' 11"	105° 58' 54"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 37' 40"	105° 59' 05"					C-48-56-D-b
Khóm 4	DC	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 39' 03"	105° 59' 24"					C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Khóm 5	DC	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 38' 34"	106° 01' 05"					C-48-57-C-a
Bửu Sơn Tự (chùa Đất Sét)	KX	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 36' 56"	105° 58' 42"					C-48-56-D-d
chùa Phước Nghiêm	KX	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 37' 15"	105° 58' 39"					C-48-56-D-d
chùa Som Rông	KX	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 37' 29"	105° 58' 47"					C-48-56-D-d
đường Lương Đình Của (Quốc lộ 60)	KX	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 39' 30"	105° 59' 56"	09° 38' 30"	105° 59' 30"	C-48-56-D-b
đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 60)	KX	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 38' 30"	105° 59' 30"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
Quốc lộ 60	KX	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 37' 58"	105° 57' 07"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
kênh 2 tháng 9	TV	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 38' 11"	106° 01' 02"	09° 37' 30"	105° 59' 06"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-b
kênh 6 Thước	TV	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 39' 48"	106° 00' 52"	09° 36' 50"	105° 59' 37"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
kênh Chông Chác	TV	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 38' 41"	106° 01' 14"	09° 38' 29"	105° 59' 29"	C-48-56-D-b; C-48-57-C-a
kênh Hồ Nước Ngọt	TV	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 41' 18"	105° 57' 33"	09° 36' 55"	105° 58' 10"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
sông Chông Chác	TV	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 39' 36"	106° 02' 02"	09° 38' 11"	106° 01' 02"	C-48-57-C-a
sông Văn Cơ	TV	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 38' 26"	106° 02' 37"	09° 38' 42"	105° 59' 05"	C-48-56-D-b
Khóm 1	DC	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 59"	105° 57' 46"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 40"	105° 57' 57"					C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Khóm 3	DC	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 33"	105° 58' 10"					C-48-56-D-d
Khóm 4	DC	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 32"	105° 58' 22"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 42"	105° 58' 16"					C-48-56-D-d
Khóm 6	DC	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 37' 26"	105° 57' 54"					C-48-56-D-d
cầu 30 tháng 4	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 28"	105° 58' 15"					C-48-56-D-d
cầu C247	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 27"	105° 58' 26"					C-48-56-D-d
cầu Kinh Xáng	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 55"	105° 57' 43"					C-48-56-D-d
chùa Khleáng	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 40"	105° 58' 31"					C-48-56-D-d
chùa Long Hưng	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 47"	105° 57' 52"					C-48-56-D-d
chùa Từ Thuyền	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 36"	105° 58' 06"					C-48-56-D-d
đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 60)	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng			09° 38' 30"	105° 59' 30"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-56-D-d
Khu văn hóa Hồ NướcNgọt	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 49"	105° 58' 13"					C-48-56-D-d
Quốc lộ 1	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-d
Quốc lộ 60	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 37' 58"	105° 57' 07"	C-48-56-D-d
Trường Tabred (Trường PTTH iSchool Sóc Trăng)	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 33"	105° 58' 26"					C-48-56-D-d
kênh 30 tháng 4	TV	Phường 6	TP. Sóc Trăng			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
kênh Hồ Nước Ngọt	TV	Phường 6	TP. Sóc Trăng			09° 41' 18"	105° 57' 33"	09° 36' 55"	105° 58' 10"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông Maspero	TV	Phường 6	TP. Sóc Trăng			09° 37' 52"	105° 57' 02"	09° 36' 22"	106° 01' 18"	C-48-56-D-d
Khóm 1	DC	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 37' 27"	105° 57' 29"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 37' 58"	105° 57' 09"					C-48-56-D-b
Khóm 3	DC	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 37' 39"	105° 57' 09"					C-48-56-D-b
Khóm 4	DC	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 36' 45"	105° 57' 05"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 36' 51"	105° 56' 48"					C-48-56-D-d
Khóm 6	DC	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 36' 23"	105° 57' 17"					C-48-56-D-d
cầu Khánh Hưng	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 36' 30"	105° 57' 36"					C-48-56-D-d
cầu Kinh Xáng	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 36' 55"	105° 57' 43"					C-48-56-D-d
chùa Năng Nhơn	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 37' 46"	105° 57' 13"					C-48-56-D-b
chùa Pô Thi Satha Ram (chùa Sóc Vồ)	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 37' 21"	105° 56' 47"					C-48-56-D-d
Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm Chiến thắng Bố Thảo	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 37' 03"	105° 56' 36"					C-48-56-D-d
đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 36' 31"	105° 57' 36"	09° 37' 00"	105° 56' 34"	C-48-56-D-d
đường Tuyến tránh Quốc lộ 1	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 37' 58"	105° 57' 07"	09° 34' 05"	105° 56' 47"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
Đường tỉnh 938	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 37' 00"	105° 56' 34"	09° 33' 36"	105° 48' 11"	C-48-56-D-d
Quốc lộ 1	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
Quốc lộ 60	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 37' 58"	105° 57' 07"	C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
cống Bố Thảo	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 36' 27"	105° 57' 20"					C-48-56-D-d
kênh 30 tháng 4	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-b
kênh 8 Thước	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 30' 56"	105° 50' 16"	09° 36' 29"	105° 57' 32"	C-48-56-D-d
kênh Hồ Nước Ngọt	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 41' 18"	105° 57' 33"	09° 36' 55"	105° 58' 10"	C-48-56-D-b
kênh Phú Tức	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 36' 00"	105° 56' 28"	09° 34' 15"	105° 54' 49"	C-48-56-D-d
kênh Tân Phước - An Tập	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 56"	105° 57' 42"	C-48-56-D-d
kênh xáng Xà Lan	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 36' 33"	105° 57' 56"	09° 35' 49"	105° 54' 06"	C-48-56-D-d
rạch Phú Tức	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 36' 16"	105° 56' 18"	09° 36' 17"	105° 57' 22"	C-48-56-D-d
sông Maspero	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 37' 52"	105° 57' 02"	09° 36' 22"	106° 01' 18"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
Khóm 1	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 36' 36"	105° 58' 41"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 36' 44"	105° 58' 38"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 37' 02"	106° 00' 37"					C-48-57-C-c
Khóm 4	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 36' 29"	105° 59' 03"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 36' 38"	106° 00' 37"					C-48-57-C-c
Khóm 6	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 36' 46"	106° 01' 36"					C-48-57-C-c
Khóm 7	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 37' 20"	106° 01' 35"					C-48-57-C-c
cầu C247	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 36' 27"	105° 58' 26"					C-48-56-D-d
cầu Saintard	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 37' 30"	106° 02' 08"					C-48-57-C-c
cầu Xã Xiểng	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 37' 13"	106° 01' 19"					C-48-57-C-c
chùa Peam Buôl Chăs	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 37' 15"	106° 01' 25"					C-48-57-C-c
đường Phạm Hùng	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 37' 30"	106° 02' 07"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d; C-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
đường Tôn Đức Thắng	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 38' 30"	105° 59' 30"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-56-D-d
Đường tỉnh 933	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 39' 26"	106° 09' 39"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
Nhà máy Đường Sóc Trăng	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 37' 38"	106° 02' 02"					C-48-57-C-c
Quốc lộ 60	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 37' 58"	105° 57' 07"	C-48-56-D-d
kênh 2 tháng 9	TV	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 38' 11"	106° 01' 02"	09° 37' 30"	105° 59' 06"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-b
kênh 6 Thước	TV	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 39' 48"	106° 00' 52"	09° 36' 50"	105° 59' 37"	C-48-57-D-b; C-48-56-D-d
sông Maspero	TV	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 37' 52"	105° 57' 02"	09° 36' 22"	106° 01' 18"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
sông Saintard	TV	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-c
Khóm 1	DC	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 36' 16"	105° 58' 29"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 36' 12"	105° 58' 30"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 36' 06"	105° 58' 39"					C-48-56-D-d
Khóm 4	DC	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 35' 51"	105° 58' 44"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 35' 14"	105° 59' 05"					C-48-56-D-d
Khóm 6	DC	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 35' 24"	106° 00' 28"					C-48-57-C-c
chùa Đại Giác	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 36' 00"	105° 58' 39"					C-48-56-D-d
chùa Quan Âm	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 35' 55"	105° 58' 43"					C-48-56-D-d
đường 30 tháng 4	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 36' 13"	105° 58' 12"	09° 34' 26"	105° 59' 12"	C-48-56-D-d
đường Bạch Đằng	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 36' 26"	106° 01' 16"	09° 34' 32"	105° 59' 18"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
đường Mạc Đĩnh Chi	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 36' 20"	105° 58' 28"	09° 35' 28"	106° 00' 34"	C-48-56-D-d
đường Nguyễn Huệ	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 36' 29"	105° 58' 04"	09° 35' 42"	105° 58' 56"	C-48-56-D-d
hội quán Hưng Hòa Tự	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 36' 18"	105° 58' 29"					C-48-56-D-d
kênh 3 tháng 2	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 35' 53"	105° 59' 14"	09° 34' 43"	105° 59' 42"	C-48-56-D-d
kênh Bắc Tà Ky	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 34' 46"	105° 59' 13"	09° 33' 43"	105° 59' 41"	C-48-56-D-d
kênh Cô Bắc	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 35' 35"	105° 58' 55"	09° 34' 46"	105° 59' 13"	C-48-56-D-d
kênh Nhân Lực	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 36' 30"	106° 00' 12"	09° 35' 35"	105° 58' 55"	C-48-56-D-d
kênh Quản Khuôl	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 36' 31"	106° 00' 29"	09° 35' 04"	105° 59' 07"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
kênh Ranh Phường 9	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 34' 43"	105° 59' 42"	09° 34' 33"	105° 59' 18"	C-48-56-D-d
sông Saintard	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
khóm Tâm Trung	DC	Phường 10	TP. Sóc Trăng	09° 34' 17"	105° 56' 58"					C-48-56-D-d
Khóm 1	DC	Phường 10	TP. Sóc Trăng	09° 34' 02"	105° 57' 47"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 10	TP. Sóc Trăng	09° 34' 09"	105° 56' 49"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 10	TP. Sóc Trăng	09° 35' 12"	105° 56' 59"					C-48-56-D-d
chùa Chrôi Tưm Chăs	KX	Phường 10	TP. Sóc Trăng	09° 34' 27"	105° 57' 11"					C-48-56-D-d
đường An Dương Vương	KX	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 33' 37"	105° 57' 52"	C-48-56-D-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 36' 01"	105° 56' 52"	09° 36' 06"	105° 58' 16"	C-48-56-D-d
đường Tuyến tránh Quốc lộ 1	KX	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 37' 58"	105° 57' 07"	09° 34' 05"	105° 56' 47"	C-48-56-D-d
Đường tỉnh 934	KX	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Quốc lộ 1	KX	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-d
kênh 19 tháng 5	TV	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 33' 08"	105° 56' 23"	09° 34' 56"	105° 57' 46"	C-48-56-D-d
kênh 8 Thước	TV	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 30' 56"	105° 50' 16"	09° 36' 29"	105° 57' 32"	C-48-56-D-d
kênh Phú Thuận - Thị Trấn	TV	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 34' 26"	105° 58' 18"	09° 29' 54"	105° 52' 33"	C-48-56-D-d
kênh Phú Tức	TV	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 36' 00"	105° 56' 28"	09° 34' 15"	105° 54' 49"	C-48-56-D-d
Kênh Mới	TV	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 34' 30"	105° 57' 29"	09° 34' 46"	105° 59' 13"	C-48-56-D-d
Khóm 1	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 33' 51"	105° 35' 44"					C-48-56-C-c
Khóm 2	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 20"	105° 35' 29"					C-48-56-C-c
Khóm 3	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 08"	105° 37' 06"					C-48-56-C-c
Khóm 4	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 50"	105° 37' 18"					C-48-56-C-c
Khóm 5	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 29"	105° 36' 12"					C-48-56-C-c
Khóm 6	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 31"	105° 35' 44"					C-48-56-C-c
Khóm 7	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 33' 33"	105° 36' 27"					C-48-56-C-c
chợ Nổi Ngã Năm	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 00"	105° 35' 43"					C-48-56-C-c
chùa Ba Ngõi	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 35' 13"	105° 36' 10"					C-48-56-C-c
chùa Giác Hương	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 38"	105° 35' 13"					C-48-56-C-c
chùa Ông Bổn	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 02"	105° 35' 34"					C-48-56-C-c
chùa Tịnh Độ	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 33' 50"	105° 35' 57"					C-48-56-C-c
chùa Vĩnh Thạnh	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 53"	105° 36' 01"					C-48-56-C-c
Di tích lịch sử Địa điểm chiến thắng Chi khu Ngã Năm	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 33' 55"	105° 35' 55"					C-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Quốc lộ 61B	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-56-C-c
Quốc lộ Quản Lộ - Phụng Hiệp	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 42' 50"	105° 46' 59"	09° 31' 07"	105° 32' 53"	C-48-56-C-c
tịnh xá Ngọc Thạnh	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 33' 44"	105° 35' 31"					C-48-56-C-c
kênh Bến Long	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 34' 38"	105° 36' 27"	09° 34' 09"	105° 38' 34"	C-48-56-C-c
kênh Cái Bè	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 32' 57"	105° 37' 33"	09° 27' 59"	105° 34' 09"	C-48-56-C-c
kênh Cống Sắt	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 34' 53"	105° 37' 45"	09° 34' 53"	105° 38' 17"	C-48-56-C-d
kênh Cơ Ba	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 12"	105° 37' 07"	09° 31' 22"	105° 36' 52"	C-48-56-C-c
kênh Dân Quân	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 25"	105° 36' 45"	09° 32' 15"	105° 36' 12"	C-48-56-C-c
kênh Huỳnh Yến	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 28' 10"	105° 33' 58"	09° 33' 27"	105° 35' 11"	C-48-56-C-c
kênh Mười Quờn	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 03"	105° 36' 03"	09° 33' 38"	105° 36' 22"	C-48-56-C-c
kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 31' 19"	105° 32' 55"	09° 42' 41"	105° 46' 33"	C-48-56-C-c
kênh Tư Bí	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 35' 21"	105° 36' 16"	09° 34' 53"	105° 37' 45"	C-48-56-C-c; C-48-56-C-d
kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 59"	105° 35' 45"	09° 26' 15"	105° 43' 48"	C-48-56-C-c; C-48-56-C-d
Kênh 90	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 33"	105° 36' 30"	09° 30' 04"	105° 34' 58"	C-48-56-C-c
Kênh Ngang	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 18"	105° 35' 33"	09° 32' 41"	105° 36' 42"	C-48-56-C-c
Kênh xáng Chìm	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 36' 14"	105° 35' 35"	09° 34' 01"	105° 35' 43"	C-48-56-C-c; C-48-56-C-d
rạch Đường Trâu	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 34' 29"	105° 34' 59"	09° 33' 37"	105° 35' 18"	C-48-56-C-c
rạch Lục Bà Tham	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 35' 06"	105° 35' 24"	09° 35' 23"	105° 34' 30"	C-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Tám Giai	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 01"	105° 36' 02"	09° 33' 47"	105° 36' 06"	C-48-56-C-c
rạch Xẻo Cạy	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 36' 01"	105° 35' 38"	09° 33' 46"	105° 36' 36"	C-48-56-C-c
rạch Xẻo Chít	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 35' 02"	105° 33' 30"	09° 34' 01"	105° 35' 42"	C-48-56-C-c
khóm Tân Chánh	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 35' 33"	105° 39' 21"					C-48-56-C-d
khóm Tân Chánh A	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 35' 16"	105° 39' 56"					C-48-56-C-d
khóm Tân Phú	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 36' 24"	105° 35' 38"					C-48-56-C-c
khóm Tân Quới	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 35' 47"	105° 37' 41"					C-48-56-C-d
khóm Tân Quới A	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 35' 18"	105° 37' 03"					C-48-56-C-c
khóm Tân Thạnh	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 36' 57"	105° 36' 07"					C-48-56-C-c
khóm Tân Thành	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 36' 28"	105° 38' 25"					C-48-56-C-d
khóm Tân Thành A	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 36' 54"	105° 38' 46"					C-48-56-C-d
khóm Tân Thạnh A	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 37' 10"	105° 38' 05"					C-48-56-C-d
khóm Tân Trung	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 34' 10"	105° 38' 38"					C-48-56-C-d
Khóm 1	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 37' 22"	105° 39' 29"					C-48-56-C-d
Khóm 2	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 38' 26"	105° 39' 42"					C-48-56-C-b
Khóm 3	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 37' 07"	105° 40' 08"					C-48-56-C-d
chùa Bửu Long	KX	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 37' 14"	105° 39' 37"					C-48-56-C-d
nhà thờ Trà Cú	KX	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 37' 37"	105° 38' 47"					C-48-56-C-b
Quốc lộ 61B	KX	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-56-C-c
Quốc lộ Quản Lộ - Phụng Hiệp	KX	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 42' 50"	105° 46' 59"	09° 31' 07"	105° 32' 53"	C-48-56-C-b; C-48-56-C-c; C-48-56-C-d
kênh 26 tháng 3	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 36' 12"	105° 36' 31"	09° 37' 27"	105° 38' 58"	C-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh 3 Thước	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 36' 39"	105° 39' 31"	09° 36' 36"	105° 40' 16"	C-48-56-C-d
kênh 8 tháng 3	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 37' 18"	105° 39' 35"	09° 35' 45"	105° 38' 11"	C-48-56-C-d
kênh Bà Cả	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 37' 28"	105° 38' 15"	09° 36' 52"	105° 38' 46"	C-48-56-C-d
kênh Ba Dừa	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 37' 33"	105° 38' 36"	09° 37' 05"	105° 38' 59"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-b
kênh Bà Mười	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 36' 03"	105° 37' 56"	09° 35' 12"	105° 38' 37"	C-48-56-C-d
kênh Bến Long	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 38"	105° 36' 27"	09° 34' 09"	105° 38' 34"	C-48-56-C-d
kênh Bình Hưng	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 37' 05"	105° 40' 19"	09° 31' 48"	105° 39' 38"	C-48-56-C-d
kênh Cống Sắt	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 53"	105° 37' 45"	09° 34' 53"	105° 38' 17"	C-48-56-C-d
kênh Lam Sơn	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 59"	105° 39' 14"	09° 34' 08"	105° 39' 11"	C-48-56-C-d
kênh Lâm Trà	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 35' 14"	105° 37' 04"	09° 35' 06"	105° 39' 53"	C-48-56-C-d
kênh Lung Giữa	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 59"	105° 39' 54"	09° 33' 41"	105° 40' 37"	C-48-56-C-d
kênh Mỹ Lợi	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 37' 15"	105° 39' 43"	09° 35' 08"	105° 39' 21"	C-48-56-C-d
kênh Nước Ngọt	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 09"	105° 38' 34"	09° 34' 05"	105° 40' 54"	C-48-56-C-d
kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 31' 19"	105° 32' 55"	09° 42' 41"	105° 46' 33"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c; C-48-56-C-b
kênh Số 9	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 35' 07"	105° 39' 38"	09° 37' 09"	105° 40' 01"	C-48-56-C-d
kênh Thủy Lợi	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 35"	105° 39' 51"	09° 34' 36"	105° 39' 12"	C-48-56-C-d
kênh Trà Cú	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 37' 13"	105° 38' 04"	09° 36' 21"	105° 38' 12"	C-48-56-C-d
kênh Trâm Bầu	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 35' 09"	105° 39' 05"	09° 36' 38"	105° 39' 10"	C-48-56-C-d
kênh Tư Bí	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 35' 21"	105° 36' 16"	09° 34' 53"	105° 37' 45"	C-48-56-C-c; C-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh U Quên	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 54"	105° 39' 53"	09° 35' 52"	105° 43' 35"	C-48-56-C-d
kênh xáng Mỹ Phước	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 33' 55"	105° 47' 44"	09° 37' 34"	105° 38' 41"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-b
kênh Xẻo Chiếc	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 35' 50"	105° 37' 40"	09° 35' 48"	105° 36' 34"	C-48-56-C-c; C-48-56-C-d
kênh Xẻo Ngựa	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 36' 58"	105° 36' 58"	09° 35' 50"	105° 37' 20"	C-48-56-C-c
Kênh 500	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 33' 47"	105° 39' 32"	09° 35' 07"	105° 39' 38"	C-48-56-C-d
Kênh xáng Chìm	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 36' 14"	105° 35' 35"	09° 34' 01"	105° 35' 43"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
rạch Bàu Tượng	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 45"	105° 37' 55"	09° 34' 59"	105° 39' 14"	C-48-56-C-d
rạch Ca Rê	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 38' 33"	105° 39' 55"	09° 38' 04"	105° 40' 01"	C-48-56-C-b
rạch Xẻo Cạy	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 36' 01"	105° 35' 38"	09° 33' 46"	105° 36' 36"	C-48-56-C-c
sông Cái Trầu	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 38' 34"	105° 39' 55"	09° 35' 13"	105° 32' 38"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
khóm Mỹ Thanh	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 30' 30"	105° 35' 09"					C-48-56-C-c
khóm Vĩnh Hậu	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 29' 43"	105° 33' 26"					C-48-68-A-a
khóm Vĩnh Mỹ	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 33' 08"	105° 34' 54"					C-48-56-C-c
khóm Vĩnh Sử	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 30' 44"	105° 34' 30"					C-48-56-C-c
khóm Vĩnh Tiền	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 31' 34"	105° 33' 15"					C-48-56-C-c
khóm Vĩnh Bình	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 31' 53"	105° 35' 56"					C-48-56-C-c
khóm Vĩnh Trung	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 32' 22"	105° 35' 30"					C-48-56-C-c
Quốc lộ Quản Lộ - Phụng Hiệp	KX	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 42' 50"	105° 46' 59"	09° 31' 07"	105° 32' 53"	C-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Bà Liếm	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 32' 43"	105° 35' 04"	09° 32' 15"	105° 36' 01"	C-48-56-C-c
kênh Cơ Ba	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 33' 12"	105° 37' 07"	09° 31' 22"	105° 36' 52"	C-48-56-C-c
kênh Dân Quân	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 33' 25"	105° 36' 45"	09° 32' 15"	105° 36' 12"	C-48-56-C-c
kênh Hai Gốc Tre	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 30' 03"	105° 34' 57"	09° 29' 27"	105° 34' 11"	C-48-56-C-c; C-48-68-A-a
kênh Hai Mùi	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 33' 01"	105° 36' 02"	09° 32' 39"	105° 36' 20"	C-48-56-C-c
kênh Huỳnh Yến	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 28' 10"	105° 33' 58"	09° 33' 27"	105° 35' 11"	C-48-56-C-c
kênh Làng Mới	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 49"	105° 33' 28"	09° 29' 46"	105° 33' 29"	C-48-68-A-a; C-48-56-C-c
kênh Nàng Rền	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 46"	105° 33' 24"	09° 22' 48"	105° 41' 09"	C-48-68-A-a; C-48-56-C-c
kênh Năm Kiệu	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 25"	105° 33' 02"	09° 29' 45"	105° 33' 05"	C-48-68-A-a; C-48-56-C-c
kênh Năm Mão	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 08"	105° 35' 05"	09° 31' 41"	105° 34' 43"	C-48-56-C-c
kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 19"	105° 32' 55"	09° 42' 41"	105° 46' 33"	C-48-56-C-c
Kênh 90	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 33' 33"	105° 36' 30"	09° 30' 04"	105° 34' 58"	C-48-56-C-c
Kênh Ngang	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 30' 36"	105° 34' 30"	09° 29' 47"	105° 36' 13"	C-48-56-C-c
rạch Chòm Tre	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 29' 46"	105° 33' 23"	09° 28' 15"	105° 33' 17"	C-48-68-A-a
rạch Cống Nhà Thờ	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 32' 46"	105° 35' 04"	09° 32' 46"	105° 34' 27"	C-48-56-C-c
rạch Lung Sen	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 32' 19"	105° 35' 42"	09° 31' 28"	105° 35' 01"	C-48-56-C-c
rạch Sáu Nhỏ	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 23"	105° 36' 15"	09° 31' 18"	105° 35' 43"	C-48-56-C-c
rạch Tuần Hớn	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 28"	105° 33' 52"	09° 31' 30"	105° 34' 39"	C-48-56-C-c
rạch Xóm Lá	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 29' 44"	105° 32' 45"	09° 29' 44"	105° 34' 15"	C-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Long Phước	DC	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 33' 22"	105° 38' 31"					C-48-56-C-d
ấp Mỹ Hiệp	DC	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 32' 04"	105° 36' 56"					C-48-56-C-c
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 30' 53"	105° 36' 46"					C-48-56-C-c
ấp Mỹ Hương	DC	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 32' 40"	105° 37' 59"					C-48-56-C-d
ấp Tân Bình	DC	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 33' 01"	105° 37' 32"					C-48-56-C-d
ấp Tân Trung	DC	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 34' 00"	105° 37' 32"					C-48-56-C-d
chùa Hưng Bình Tự	KX	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 32' 44"	105° 38' 01"					C-48-56-C-d
chùa Long Phước	KX	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 32' 24"	105° 38' 36"					C-48-56-C-d
chùa Phước Quang	KX	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 33' 07"	105° 38' 29"					C-48-56-C-d
chùa Vĩnh Sơn	KX	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 34' 06"	105° 39' 10"					C-48-56-C-d
Phân trường Thạnh Trị	KX	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 31' 16"	105° 37' 53"					C-48-56-C-d
Quốc lộ 61B	KX	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
kênh Bảo Liên	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 33' 31"	105° 39' 06"	09° 32' 51"	105° 39' 00"	C-48-56-C-d
kênh Bảy Thung	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 32' 21"	105° 38' 37"	09° 29' 50"	105° 37' 31"	C-48-56-C-d; C-48-68-A-b
kênh Ba Kiệt	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 32' 50"	105° 39' 17"	09° 32' 04"	105° 39' 13"	C-48-56-C-d
kênh Bến Long	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 34' 38"	105° 36' 27"	09° 34' 09"	105° 38' 34"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
kênh Bờ Bao	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 31' 27"	105° 37' 13"	09° 31' 26"	105° 37' 13"	C-48-56-C-c
kênh Cái Bè	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 32' 57"	105° 37' 33"	09° 27' 59"	105° 34' 09"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
kênh Cơ Ba	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 33' 12"	105° 37' 07"	09° 31' 22"	105° 36' 52"	C-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Dân Quân	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 33' 29"	105° 39' 46"	09° 33' 41"	105° 37' 11"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
kênh Hai Giá	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 32' 51"	105° 39' 00"	09° 32' 49"	105° 40' 43"	C-48-56-C-d
kênh Năm Quãng	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 33' 30"	105° 39' 31"	09° 33' 47"	105° 39' 32"	C-48-56-C-d
kênh Nước Ngọt	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 34' 09"	105° 38' 34"	09° 34' 05"	105° 40' 54"	C-48-56-C-d
kênh Thủy Lợi	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 34' 08"	105° 39' 16"	09° 33' 31"	105° 39' 14"	C-48-56-C-d
kênh Trung Ngươn	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 34' 08"	105° 38' 34"	09° 32' 51"	105° 39' 00"	C-48-56-C-d
kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 33' 59"	105° 35' 45"	09° 26' 15"	105° 43' 48"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
Kênh 500	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 33' 47"	105° 39' 32"	09° 35' 07"	105° 39' 38"	C-48-56-C-d
ấp Cơi Nhì	DC	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm	09° 27' 27"	105° 35' 47"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Lộc 2	DC	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm	09° 28' 48"	105° 36' 20"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Phước	DC	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm	09° 29' 36"	105° 36' 02"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tân	DC	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm	09° 28' 55"	105° 34' 09"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Lộc 1	DC	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm	09° 28' 52"	105° 35' 16"					C-48-68-A-a
Đường tỉnh 937B	KX	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-a
kênh 19 tháng 5B	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 25' 53"	105° 35' 23"	09° 28' 41"	105° 36' 52"	C-48-68-A-a
kênh Cái Bè	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 32' 57"	105° 37' 33"	09° 27' 59"	105° 34' 09"	C-48-68-A-a; C-48-56-C-c
kênh Hai Gốc Tre	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 30' 03"	105° 34' 57"	09° 29' 27"	105° 34' 11"	C-48-68-A-a
kênh Huỳnh Yến	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 28' 10"	105° 33' 58"	09° 33' 27"	105° 35' 11"	C-48-68-A-a
kênh Lung Sen	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 29' 05"	105° 35' 34"	09° 28' 42"	105° 37' 13"	C-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Nàng Rền	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 31' 46"	105° 33' 24"	09° 22' 48"	105° 41' 09"	C-48-68-A-a
Kênh Ngang	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 30' 36"	105° 34' 30"	09° 29' 47"	105° 36' 13"	C-48-68-A-a; C-48-56-C-c
rạch Ba Cụi	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 27' 01"	105° 35' 23"	09° 27' 32"	105° 35' 25"	C-48-68-A-a
rạch Mười Gà	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 27' 32"	105° 35' 25"	09° 28' 29"	105° 34' 55"	C-48-68-A-a
rạch Mười Lửa	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 28' 05"	105° 37' 29"	09° 28' 43"	105° 35' 11"	C-48-68-A-a
sông Cơi Nhì	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 27' 05"	105° 36' 01"	09° 27' 01"	105° 35' 23"	C-48-68-A-a
ấp Mỹ Đông I	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 19"	105° 34' 54"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Đông II	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 52"	105° 35' 04"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tây A	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 28' 11"	105° 33' 40"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tây B	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 28' 11"	105° 33' 11"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Thành	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 28' 16"	105° 34' 38"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Thọ	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 27' 49"	105° 34' 06"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tường A	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 50"	105° 32' 51"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tường B	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 27' 23"	105° 33' 44"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tường I	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 02"	105° 33' 35"					C-48-68-A-a
chùa Kha Na Rộn	KX	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 28' 14"	105° 32' 34"					C-48-68-A-a
Di tích lịch sử Căn cứ Huyện ủy Thạnh Trị - Ngã Năm	KX	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 19"	105° 35' 07"					C-48-68-A-a
Đường tỉnh 937B	KX	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-a
miếu Bà Chúa Xứ Mỹ Đông	KX	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 18"	105° 34' 52"					C-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
thánh thất Minh Tiên	KX	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 28' 15"	105° 32' 51"					C-48-68-A-a
đầm Tám Quế	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 37"	105° 33' 38"					C-48-68-A-a
kênh 19 tháng 5B	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 25' 53"	105° 35' 23"	09° 28' 41"	105° 36' 52"	C-48-68-A-a
kênh Ba Cụi	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 27' 00"	105° 35' 22"	09° 26' 39"	105° 34' 36"	C-48-68-A-a
kênh Cái Bè	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 32' 57"	105° 37' 33"	09° 27' 59"	105° 34' 09"	C-48-68-A-a
kênh Huỳnh Yến	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 28' 10"	105° 33' 58"	09° 33' 27"	105° 35' 11"	C-48-68-A-a
kênh Miếu Tà Trắng	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 25' 16"	105° 34' 22"	09° 25' 59"	105° 35' 18"	C-48-68-A-a
kênh Ngan Dừa - Cầu Sập	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 24' 45"	105° 34' 43"	09° 27' 06"	105° 32' 36"	C-48-68-A-a
kênh Rọc Lá	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 27' 56"	105° 34' 06"	09° 26' 27"	105° 33' 12"	C-48-68-A-a
kênh Sáu Lục	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 25' 16"	105° 34' 19"	09° 26' 29"	105° 34' 39"	C-48-68-A-a
kênh Tám Quế	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 26' 04"	105° 33' 32"	09° 26' 53"	105° 34' 17"	C-48-68-A-a
Kênh Cùng	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 25' 18"	105° 34' 21"	09° 25' 48"	105° 34' 24"	C-48-68-A-a
rạch Ba Cụi	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 27' 01"	105° 35' 23"	09° 27' 32"	105° 35' 25"	C-48-68-A-a
rạch Chòm Tre	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 29' 46"	105° 33' 23"	09° 28' 15"	105° 33' 17"	C-48-68-A-a
rạch Mười Gà	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 27' 32"	105° 35' 25"	09° 28' 29"	105° 34' 55"	C-48-68-A-a
rạch Mỹ Tây	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 28' 19"	105° 32' 33"	09° 27' 59"	105° 34' 08"	C-48-68-A-a
ấp Long An	DC	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 32' 00"	105° 39' 10"					C-48-56-C-d
ấp Long Hòa	DC	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 33' 15"	105° 39' 43"					C-48-56-C-d
ấp Long Thành	DC	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 31' 09"	105° 40' 41"					C-48-56-C-d
ấp Long Thạnh	DC	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 31' 34"	105° 40' 06"					C-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Tân Chánh C	DC	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 33' 42"	105° 39' 48"					C-48-56-C-d
Ấp 18	DC	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 30' 23"	105° 38' 25"					C-48-56-C-d
cầu Ba Bọng	KX	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 31' 49"	105° 39' 38"					C-48-56-C-d
cầu Cái Trầu	KX	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 31' 28"	105° 40' 17"					C-48-56-C-d
chùa Hải Trường	KX	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 31' 32"	105° 40' 24"					C-48-56-C-d
Quốc lộ 61B	KX	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-56-C-d
giếng Bao Tử	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 31' 59"	105° 40' 12"					C-48-56-C-d
kênh 26 tháng 3	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 31' 27"	105° 40' 13"	09° 29' 33"	105° 38' 04"	C-48-68-A-b; C-48-56-C-d
kênh Bảo Liên	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 31"	105° 39' 06"	09° 32' 51"	105° 39' 00"	C-48-56-C-d
kênh Bảy Thung	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 21"	105° 38' 37"	09° 29' 50"	105° 37' 31"	C-48-68-A-b; C-48-56-C-d
kênh Ba Khôi	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 30' 51"	105° 39' 33"	09° 31' 13"	105° 38' 40"	C-48-56-C-d
kênh Ba Kiệt	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 50"	105° 39' 17"	09° 32' 04"	105° 39' 13"	C-48-56-C-d
kênh Bình Hưng	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 37' 05"	105° 40' 19"	09° 31' 48"	105° 39' 38"	C-48-56-C-d
kênh Bờ Bao	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 22"	105° 39' 41"	09° 32' 22"	105° 40' 51"	C-48-56-C-d
kênh Cái Trầu	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 10"	105° 46' 12"	09° 31' 28"	105° 40' 17"	C-48-56-C-d
kênh Cầu Đen	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 31' 44"	105° 41' 04"	09° 33' 45"	105° 40' 53"	C-48-56-C-d
kênh Cầu Xéo	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 19"	105° 40' 26"	09° 31' 30"	105° 40' 22"	C-48-56-C-d
kênh Chánh Sạn	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 30' 39"	105° 41' 10"	09° 29' 36"	105° 39' 53"	C-48-56-C-d
kênh Cosxanen	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 07"	105° 39' 00"	09° 29' 33"	105° 38' 03"	C-48-68-A-b; C-48-56-C-d
kênh Dân Quân	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 29"	105° 39' 46"	09° 33' 41"	105° 37' 11"	C-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Giao Liên	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 02"	105° 39' 02"	09° 32' 59"	105° 39' 41"	C-48-56-C-d
kênh Hai Giá	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 51"	105° 39' 00"	09° 32' 49"	105° 40' 43"	C-48-56-C-d
kênh Lát Chiếu	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 23"	105° 42' 04"	09° 32' 05"	105° 42' 04"	C-48-56-C-d
kênh Lung Giữa	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 34' 59"	105° 39' 54"	09° 33' 41"	105° 40' 37"	C-48-56-C-d
kênh Minh Luân	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 30' 47"	105° 41' 00"	09° 30' 40"	105° 40' 25"	C-48-56-C-d
kênh Nhà Thờ	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 29' 33"	105° 38' 03"	09° 28' 42"	105° 37' 13"	C-48-68-A-b
kênh Nước Ngọt	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 34' 09"	105° 38' 34"	09° 34' 05"	105° 40' 54"	C-48-56-C-d
kênh Ông Tào	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 30' 36"	105° 41' 15"	09° 32' 12"	105° 42' 29"	C-48-56-C-d
kênh Sáu Hằng	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 30' 40"	105° 40' 25"	09° 30' 51"	105° 39' 33"	C-48-56-C-d
kênh Tây Tàu	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 31' 55"	105° 42' 10"	09° 31' 49"	105° 41' 20"	C-48-56-C-d
kênh Thủy Lợi	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 34' 35"	105° 39' 51"	09° 34' 36"	105° 39' 12"	C-48-56-C-d
kênh U Quên	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 34' 54"	105° 39' 53"	09° 35' 52"	105° 43' 35"	C-48-56-C-d
kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 59"	105° 35' 45"	09° 26' 15"	105° 43' 48"	C-48-56-C-d
Kênh 500	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 47"	105° 39' 32"	09° 35' 07"	105° 39' 38"	C-48-56-C-d
Kênh Bao	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 29"	105° 42' 23"	09° 33' 41"	105° 40' 37"	C-48-56-C-d
Kênh Tư	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 26"	105° 39' 46"	09° 33' 22"	105° 42' 00"	C-48-56-C-d
ấp Vĩnh Đồng	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 34' 03"	105° 33' 12"					C-48-56-C-c
ấp Vĩnh Hòa	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 35' 33"	105° 33' 35"					C-48-56-C-c
ấp Vĩnh Kiên	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 36' 42"	105° 34' 58"					C-48-56-C-c
ấp Vĩnh Phong	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 33' 04"	105° 34' 40"					C-48-56-C-c
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 31' 43"	105° 33' 16"					C-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Vĩnh Thuận	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 35' 00"	105° 33' 52"					C-48-56-C-c
ấp Vĩnh Trung	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 35' 20"	105° 35' 13"					C-48-56-C-c
ấp Vĩnh Thanh	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 34' 27"	105° 34' 07"					C-48-56-C-c
chùa Ô Chum - Prêk Chêk	KX	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 34' 48"	105° 34' 32"					C-48-56-C-c
Quốc lộ 61B	KX	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-56-C-c
kênh Chiến Lũy	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 33' 01"	105° 33' 30"	09° 31' 53"	105° 33' 29"	C-48-56-C-c
kênh Làng Mới	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 33' 00"	105° 33' 08"	09° 34' 16"	105° 33' 08"	C-48-56-C-c
kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 31' 19"	105° 32' 55"	09° 42' 41"	105° 46' 33"	C-48-56-C-c
kênh Tư Toạn	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 35' 53"	105° 34' 07"	09° 35' 39"	105° 33' 30"	C-48-56-C-c
kênh Vĩnh Khương	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 34' 31"	105° 33' 33"	09° 34' 17"	105° 33' 08"	C-48-56-C-c
Kênh Làng	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 31' 21"	105° 32' 55"	09° 32' 59"	105° 33' 05"	C-48-56-C-c
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 33' 30"	105° 33' 36"	09° 32' 25"	105° 34' 02"	C-48-56-C-c
Kênh xáng Chìm	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 36' 14"	105° 35' 35"	09° 34' 01"	105° 35' 43"	C-48-56-C-c
rạch Bàu Nhum	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 33' 14"	105° 33' 28"	09° 35' 49"	105° 33' 19"	C-48-56-C-c
rạch Đường Chùa	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 33' 42"	105° 34' 28"	09° 34' 47"	105° 34' 35"	C-48-56-C-c
rạch Đường Trâu	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 34' 29"	105° 34' 59"	09° 33' 37"	105° 35' 18"	C-48-56-C-c
rạch Lục Bà Tham	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 35' 06"	105° 35' 24"	09° 35' 23"	105° 34' 30"	C-48-56-C-c
rạch Ngang Kè	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 34' 17"	105° 33' 08"	09° 35' 13"	105° 32' 39"	C-48-56-C-c
rạch Sóc Sãi	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 33' 02"	105° 33' 29"	09° 32' 59"	105° 33' 06"	C-48-56-C-c
rạch Xẻo Chít	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 35' 02"	105° 33' 30"	09° 34' 01"	105° 35' 42"	C-48-56-C-c
rạch Xẻo Gỗ	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 35' 57"	105° 35' 36"	09° 36' 14"	105° 34' 00"	C-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Xẻo Sãi	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 34' 56"	105° 34' 08"	09° 33' 43"	105° 33' 35"	C-48-56-C-c
sông Cái Trầu	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 38' 34"	105° 39' 55"	09° 35' 13"	105° 32' 38"	C-48-56-C-c
Khóm 1	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 31"	105° 58' 31"					C-48-68-B-d
Khóm 2	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 55"	105° 58' 41"					C-48-68-B-d
Khóm 3	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 44"	105° 58' 55"					C-48-68-B-d
Khóm 4	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 29"	105° 58' 58"					C-48-68-B-d
Khóm 5	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 10"	105° 59' 02"					C-48-68-B-d
Khóm 6	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 48"	105° 58' 27"					C-48-68-B-d
Khóm 7	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 58"	105° 58' 42"					C-48-68-B-d
cầu Vĩnh Châu	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 38"	105° 58' 43"					C-48-68-B-d
chùa Đôl Tru	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 22"	105° 59' 12"					C-48-68-B-d
cổ miếu Thanh Minh	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 25"	105° 58' 11"					C-48-68-B-d
đường 30 tháng 4	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 19' 29"	105° 58' 44"	09° 19' 19"	105° 58' 46"	C-48-68-B-d
đường Nguyễn Huệ	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 19' 29"	105° 58' 44"	09° 19' 22"	105° 58' 00"	C-48-68-B-d
Đường tỉnh 935	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 32' 33"	106° 01' 26"	09° 19' 29"	105° 58' 44"	C-48-68-B-d; C-48-69-A-c
miếu Thiên Hậu Thánh Mẫu	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 34"	105° 59' 02"					C-48-68-B-d
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-68-B-d
kênh Giồng Dú	TV	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 25"	105° 59' 17"	09° 22' 52"	106° 00' 43"	C-48-68-B-d
kênh Vĩnh Châu	TV	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 19' 42"	105° 58' 04"	09° 20' 25"	105° 59' 17"	C-48-68-B-d
Kênh 700	TV	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 15' 13"	105° 49' 24"	09° 18' 24"	105° 59' 00"	C-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Mới	TV	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 40"	105° 58' 21"	09° 19' 42"	105° 58' 04"	C-48-68-B-d
Kênh Râu	TV	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 18"	105° 58' 16"	09° 21' 49"	106° 00' 04"	C-48-68-B-d; C-48-69-A-c
Kênh Sườn	TV	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 17' 43"	105° 49' 14"	09° 19' 21"	105° 59' 00"	C-48-68-B-d
khóm Cà Lăng A	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 40"	106° 00' 26"					C-48-69-A-c
khóm Cà Lăng A Biển	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 01"	106° 00' 48"					C-48-69-A-c
khóm Cà Lăng B	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 55"	106° 02' 06"					C-48-69-A-c
khóm Cà Săng	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 46"	105° 59' 41"					C-48-68-B-d
khóm Đai Rụng	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 28"	106° 01' 00"					C-48-69-A-c
khóm Giồng Me	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 37"	106° 01' 59"					C-48-69-A-c
khóm Sân Chim	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 01"	106° 02' 32"					C-48-69-A-c
khóm Soài Côn	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 46"	106° 00' 38"					C-48-69-A-c
khóm Vĩnh An	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 44"	106° 00' 45"					C-48-69-A-c
khóm Vĩnh Bình	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 51"	106° 01' 27"					C-48-69-A-c
khóm Vĩnh Trung	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 08"	106° 02' 19"					C-48-69-A-c
chùa Cro Săng	KX	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 46"	105° 59' 54"					C-48-68-B-d
chùa Sa La Pô Thi	KX	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 37"	106° 01' 48"					C-48-69-A-c
chùa Soai Kôn	KX	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 38"	106° 00' 09"					C-48-69-A-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-68-B-d; C-48-69-A-c
kênh Đại Bái - Tăng Du	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 16"	106° 04' 38"	09° 20' 36"	106° 02' 39"	C-48-69-A-c
kênh Giồng Dú	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 25"	105° 59' 17"	09° 22' 52"	106° 00' 43"	C-48-68-B-d;

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
										C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
kênh KD2	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 49"	106° 04' 21"	09° 21' 53"	106° 00' 12"	C-48-69-A-c
kênh Vĩnh Châu	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 19' 42"	105° 58' 04"	09° 20' 25"	105° 59' 17"	C-48-68-B-d
Kênh 40	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 20"	106° 02' 31"	09° 22' 58"	106° 00' 47"	C-48-69-A-a
Kênh Sườn	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 35"	106° 01' 24"	09° 20' 07"	106° 01' 35"	C-48-69-A-c
rạch Bưng Tum	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 58"	106° 01' 46"	09° 22' 52"	106° 00' 43"	C-48-69-A-a
rạch Hòa Nam	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 20"	106° 04' 28"	09° 20' 46"	106° 01' 30"	C-48-69-A-c
sông Trà Niên	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 02"	106° 01' 12"	09° 24' 49"	106° 07' 33"	C-48-69-A-a
khóm Bưng Tum	DC	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 12"	106° 01' 14"					C-48-69-A-a
khóm Châu Khánh	DC	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 12"	105° 59' 29"					C-48-68-B-d
khóm Huỳnh Thu	DC	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 43"	106° 00' 00"					C-48-68-B-b
khóm Khánh Nam	DC	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 24"	105° 58' 38"					C-48-68-B-d
khóm Kinh Mới Đông	DC	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 02"	105° 58' 23"					C-48-68-B-b
khóm Kinh Mới Sóc	DC	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 53"	106° 01' 25"					C-48-69-A-a
khóm Kinh Ven	DC	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 59"	105° 58' 56"					C-48-68-B-b
khóm Lẫm Thiết	DC	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 11"	106° 02' 06"					C-48-69-A-a
khóm Lê Văn Tư	DC	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 23"	105° 58' 24"					C-48-68-B-b
khóm Nguyễn Út	DC	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 48"	106° 00' 43"					C-48-69-A-a
khóm Trà Niên	DC	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 57"	106° 00' 36"					C-48-69-A-a
cầu Khánh Hòa	KX	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 56"	106° 00' 34"					C-48-69-A-a
cầu Mỹ Thanh	KX	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 41"	105° 59' 38"					C-48-68-B-b
chùa Bưng Tum	KX	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 16"	106° 01' 16"					C-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
đình thần Khánh Hòa	KX	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 54"	106° 00' 42"					C-48-69-A-a
Đường tỉnh 935	KX	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 32' 33"	106° 01' 26"	09° 19' 29"	105° 58' 44"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
kênh Bì Bôn	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 12"	106° 01' 20"	09° 24' 58"	106° 01' 46"	C-48-69-A-a
kênh Điền Cậu Tư	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 56"	106° 00' 41"	09° 25' 04"	106° 00' 52"	C-48-69-A-a
kênh Giồng Dú	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 25"	105° 59' 17"	09° 22' 52"	106° 00' 43"	C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
kênh Huỳnh Thu	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 50"	105° 59' 54"	09° 23' 26"	106° 00' 31"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
kênh Lẫm Thiết	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 20"	106° 02' 30"	09° 25' 01"	106° 02' 02"	C-48-69-A-a
kênh Lộ Mới	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 56"	106° 00' 33"	09° 25' 29"	105° 59' 43"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
kênh Lung Lá	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 04"	106° 00' 52"	09° 25' 39"	106° 01' 35"	C-48-69-A-a
kênh Số Bốn	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 29"	105° 59' 01"	09° 25' 13"	105° 58' 36"	C-48-68-B-b
kênh Số Năm	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 07"	105° 58' 23"	09° 25' 05"	105° 59' 10"	C-48-68-B-b
kênh Tư Sĩ	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 50"	106° 01' 31"	09° 25' 27"	105° 59' 44"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
Kênh 40	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 52"	106° 00' 43"	09° 21' 30"	105° 55' 51"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a; C-48-68-B-d
Kênh Mới	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 40"	105° 58' 21"	09° 19' 42"	105° 58' 04"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
Kênh Râu	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 18"	105° 58' 16"	09° 21' 49"	106° 00' 04"	C-48-68-B-d; C-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Ven	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 53"	105° 58' 22"	09° 23' 26"	106° 00' 55"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
rạch Bà Hai	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 01"	105° 59' 25"	09° 25' 38"	105° 58' 43"	C-48-68-B-b
rạch Bưng Tum	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 58"	106° 01' 46"	09° 22' 52"	106° 00' 43"	C-48-69-A-a
rạch Điền Cậu Tư	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 04"	106° 00' 52"	09° 24' 28"	106° 01' 16"	C-48-69-A-a
rạch Xóm Chùa	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 56"	105° 59' 46"	09° 25' 28"	105° 59' 12"	C-48-68-B-b
sông Mỹ Thanh	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
sông Trà Niên	TV	P. Khánh Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 02"	106° 01' 12"	09° 24' 49"	106° 07' 33"	C-48-69-A-a
khóm Biển Dưới	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 24"	105° 55' 31"					C-48-68-B-d
khóm Biển Trên	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 22"	105° 56' 38"					C-48-68-B-d
khóm Biển Trên A	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 33"	105° 57' 58"					C-48-68-B-d
khóm Đai Trị	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 47"	105° 54' 48"					C-48-68-B-d
khóm Sở Tại A	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 56"	105° 56' 21"					C-48-68-B-d
khóm Sở Tại B	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 45"	105° 55' 39"					C-48-68-B-d
khóm Tân Qui	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 58"	105° 53' 52"					C-48-68-B-d
khóm Vĩnh Thành	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 14"	105° 56' 53"					C-48-68-B-d
khóm Xẻo Me	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 48"	105° 55' 59"					C-48-68-B-d
khóm Wath Pích	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 25"	105° 57' 26"					C-48-68-B-d
Bia Chiến Thắng Xẻo Me	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 05"	105° 56' 15"					C-48-68-B-d
cầu Chợ Kinh	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 10"	105° 53' 47"					C-48-68-B-d
chùa Đơm Om Pưl	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 57"	105° 56' 16"					C-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
chùa Đơm Thnốt	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 34"	105° 58' 17"					C-48-68-B-d
chùa Kal Đal	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 16"	105° 57' 24"					C-48-68-B-d
chùa Ông Bổn	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 56"	105° 55' 08"					C-48-68-B-d
chùa Tam Hoàng Ngũ Đé	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 17"	105° 56' 12"					C-48-68-B-d
chùa Tam Sơn	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 50"	105° 55' 57"					C-48-68-B-d
chùa Wath Pích	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 24"	105° 57' 42"					C-48-68-B-d
đường Nguyễn Huệ	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 19' 29"	105° 58' 44"	09° 19' 22"	105° 58' 00"	C-48-68-B-d
Đường tỉnh 940	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-68-B-d
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-68-B-d
Kênh 40	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 02"	105° 55' 50"	09° 19' 07"	105° 48' 57"	C-48-68-B-d
Kênh 42	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 39"	105° 56' 22"	09° 19' 13"	105° 56' 48"	C-48-68-B-d
Kênh 700	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 15' 13"	105° 49' 24"	09° 18' 24"	105° 59' 00"	C-48-68-B-d
Kênh Mới	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 40"	105° 58' 21"	09° 19' 42"	105° 58' 04"	C-48-68-B-d
Kênh Sườn	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 17' 43"	105° 49' 14"	09° 19' 21"	105° 59' 00"	C-48-68-B-d
rạch Trà Nho	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 38"	105° 56' 03"	09° 22' 32"	105° 55' 18"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
sông Cổ Cò	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 39"	105° 51' 26"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
ấp Cảng Buối	DC	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 23"	106° 02' 15"					C-48-69-A-a
ấp Giầy Lăng	DC	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 36"	106° 02' 48"					C-48-69-A-a
ấp Hòa Giang	DC	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 32"	106° 06' 10"					C-48-69-A-a
ấp Hòa Khởi	DC	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 18"	106° 02' 57"					C-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Lẫm Thiết	DC	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 23' 54"	106° 02' 13"					C-48-69-A-a
ấp Nguyễn Út	DC	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 51"	106° 02' 12"					C-48-69-A-a
ấp Nô Tom	DC	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 00"	106° 04' 59"					C-48-69-A-a
ấp Thạch Sao	DC	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 03"	106° 04' 45"					C-48-69-A-a
ấp Trà Teo	DC	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 49"	106° 04' 32"					C-48-69-A-a
ấp Xóm Mới	DC	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 25"	106° 05' 53"					C-48-69-A-a
Bia Giầy Lăng	KX	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 30"	106° 02' 48"					C-48-69-A-a
chùa Phước Trường An	KX	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 50"	106° 04' 40"					C-48-69-A-a
chùa Tà Teo	KX	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 33"	106° 03' 51"					C-48-69-A-a
cống Giầy Lăng	KX	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 49"	106° 02' 48"					C-48-69-A-a
cống Năm Chích	KX	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 49"	106° 04' 02"					C-48-69-A-a
cống Thạch Sao	KX	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 22"	106° 04' 59"					C-48-69-A-a
Di tích lịch sử văn hóa Địa Điểm Đồng Khởi Trà Teo	KX	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 32"	106° 03' 31"					C-48-69-A-a
miếu Ông Bổn	KX	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 39"	106° 04' 11"					C-48-69-A-a
Miếu Bà	KX	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 28"	106° 02' 52"					C-48-69-A-a
kênh Ba Tý	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 39"	106° 01' 35"	09° 25' 24"	106° 02' 14"	C-48-69-A-a
kênh Bì Bôn	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 12"	106° 01' 20"	09° 24' 58"	106° 01' 46"	C-48-69-A-a
kênh Bờ Tre	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 19"	106° 02' 50"	09° 25' 59"	106° 02' 14"	C-48-69-A-a
kênh Cơ Ba	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 37"	106° 06' 28"	09° 25' 35"	106° 04' 42"	C-48-69-A-a
kênh Giầy Lăng	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 54"	106° 02' 48"	09° 25' 01"	106° 02' 02"	C-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Gọc Lá	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 50"	106° 03' 32"	09° 26' 29"	106° 02' 51"	C-48-69-A-a
kênh Hòa Khởi	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 30"	106° 02' 54"	09° 25' 34"	106° 02' 43"	C-48-69-A-a
kênh Hòa Khởi - Cảng Buổi	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 34"	106° 02' 43"	09° 26' 05"	106° 02' 37"	C-48-69-A-a
kênh KC2	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 40"	106° 04' 48"	09° 24' 48"	106° 05' 36"	C-48-69-A-a
kênh Lẫm Thiết	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 20"	106° 02' 30"	09° 25' 01"	106° 02' 02"	C-48-69-A-a
kênh Năm Chích	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 56"	106° 04' 04"	09° 25' 41"	106° 04' 06"	C-48-69-A-a
kênh Năm Phát	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 44"	106° 02' 48"	09° 26' 28"	106° 01' 50"	C-48-69-A-a
kênh Ông Muôn	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 00"	106° 06' 36"	09° 26' 03"	106° 04' 49"	C-48-69-A-a
kênh Ô Ma	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 48"	106° 05' 36"	09° 24' 36"	106° 06' 39"	C-48-69-A-a
kênh Thạch Sao	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 26"	106° 05' 00"	09° 24' 29"	106° 04' 52"	C-48-69-A-a
Kênh Đào	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 25"	106° 02' 40"	09° 24' 16"	106° 02' 34"	C-48-69-A-a
Kênh Phèn	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 51"	106° 04' 46"	09° 25' 31"	106° 05' 23"	C-48-69-A-a
sông Mỹ Thanh	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-A-a
sông Trà Niên	TV	xã Hòa Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 02"	106° 01' 12"	09° 24' 49"	106° 07' 33"	C-48-69-A-a; C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Ca Lạc	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 39"	106° 03' 56"					C-48-69-A-c
ấp Ca Lạc A	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 53"	106° 04' 24"					C-48-69-A-c
ấp Đại Bái	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 06"	106° 04' 06"					C-48-69-A-c
ấp Đại Bái A	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 00"	106° 03' 34"					C-48-69-A-c
ấp Hòa Nam	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 13"	106° 03' 19"					C-48-69-A-c
ấp Hòa Thành	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 35"	106° 03' 21"					C-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Lền Buối	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 23' 12"	106° 02' 42"					C-48-69-A-a
ấp Tân Thời	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 07"	106° 03' 52"					C-48-69-A-a
ấp Vĩnh Biên	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 51"	106° 05' 03"					C-48-69-A-c
chùa Đay Tà Pai	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 48"	106° 03' 39"					C-48-69-A-c
chùa Hải Phước An	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 45"	106° 04' 43"					C-48-69-A-c
chùa Tà Đơk	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 28"	106° 04' 24"					C-48-69-A-c
chùa Tăng Du	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 42"	106° 02' 53"					C-48-69-A-c
miếu Bà Thiên Hậu	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 46"	106° 04' 21"					C-48-69-A-c
miếu Ông Tà	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 19"	106° 03' 41"					C-48-69-A-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-69-A-c
kênh Bà Hai	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 24"	106° 05' 37"	09° 22' 53"	106° 05' 23"	C-48-69-A-a
kênh Bà Kiêu	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 18"	106° 04' 32"	09° 20' 57"	106° 05' 00"	C-48-69-A-c
kênh Cao Sản	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 19"	106° 02' 40"	09° 20' 45"	106° 04' 33"	C-48-69-A-c
kênh Đại Bái - Tăng Du	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 16"	106° 04' 38"	09° 20' 36"	106° 02' 39"	C-48-69-A-c
kênh Đai Đuông	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 50"	106° 04' 07"	09° 21' 55"	106° 03' 07"	C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
kênh KD2	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 49"	106° 04' 21"	09° 21' 53"	106° 00' 12"	C-48-69-A-c
kênh Sườn	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 47"	106° 08' 14"	09° 20' 51"	106° 04' 33"	C-48-69-A-c
kênh Tân Thời	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 14"	106° 03' 50"	09° 21' 53"	106° 04' 06"	C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 26"	106° 02' 49"	09° 21' 42"	106° 03' 06"	C-48-69-A-a; C-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Vàm Sát	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 17"	106° 05' 03"	09° 21' 18"	106° 04' 32"	C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
rạch Bà Xăm	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 55"	106° 04' 36"	09° 24' 16"	106° 07' 11"	C-48-69-A-a
rạch Củ Cải	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 38"	106° 06' 55"	09° 21' 38"	106° 04' 26"	C-48-69-A-c
rạch Hòa Nam	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 20"	106° 04' 28"	09° 20' 46"	106° 01' 30"	C-48-69-A-c
rạch Tà Khi	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 55"	106° 06' 58"	09° 21' 59"	106° 04' 25"	C-48-69-A-c
sông Bồ Hố	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 20"	106° 04' 27"	09° 22' 23"	106° 02' 34"	C-48-69-A-c
sông Trà Niên	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 02"	106° 01' 12"	09° 24' 49"	106° 07' 33"	C-48-69-A-a
ấp Hòa Hiệp	DC	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 14"	105° 51' 09"					C-48-68-B-c
ấp Lai Hòa	DC	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 10"	105° 49' 45"					C-48-68-B-c
ấp Lai Hòa A	DC	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 55"	105° 49' 43"					C-48-68-B-c
ấp Năm Căn	DC	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 54"	105° 49' 43"					C-48-68-B-c
ấp Prey Chóp	DC	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 16' 49"	105° 50' 07"					C-48-68-B-c
ấp Prey Chóp A	DC	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 16' 43"	105° 49' 44"					C-48-68-B-c
ấp Prey Chóp B	DC	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 15' 55"	105° 49' 40"					C-48-68-B-c
ấp Xẻo Cóc	DC	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 03"	105° 50' 17"					C-48-68-B-c
ấp Xẻo Su	DC	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 58"	105° 51' 31"					C-48-68-B-c
ấp Xung Thum A	DC	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 29"	105° 52' 00"					C-48-68-B-c
ấp Xung Thum B	DC	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 16' 37"	105° 51' 34"					C-48-68-B-c
chùa Hưng Lai Tự	KX	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 05"	105° 49' 37"					C-48-68-B-c
chùa Prey Chóp	KX	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 16' 14"	105° 50' 19"					C-48-68-B-c
chùa Tưk Sáp	KX	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 00"	105° 50' 13"					C-48-68-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
chùa Xung Thum	KX	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 34"	105° 52' 19"					C-48-68-B-c
Đồn biên phòng 650	KX	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 16' 32"	105° 51' 01"					C-48-68-B-c
Miếu Bà	KX	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 02"	105° 50' 01"					C-48-68-B-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-68-B-c
kênh Bảy Túc	TV	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 15"	105° 50' 43"	09° 17' 04"	105° 52' 25"	C-48-68-B-c
kênh Lai Hòa	TV	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 18' 50"	105° 49' 47"	09° 16' 36"	105° 50' 22"	C-48-68-B-c
kênh Lai Hòa	TV	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 19' 20"	105° 49' 53"	09° 20' 48"	105° 49' 20"	C-48-68-B-c
kênh Rạch Đập	TV	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 19"	105° 48' 53"	09° 19' 52"	105° 49' 05"	C-48-68-B-c
kênh Ranh Lai Hòa	TV	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 18' 08"	105° 49' 09"	09° 19' 20"	105° 49' 53"	C-48-68-B-c
Kênh 40	TV	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 02"	105° 55' 50"	09° 19' 07"	105° 48' 57"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
Kênh 700	TV	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 15' 13"	105° 49' 24"	09° 18' 24"	105° 59' 00"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
Kênh Sườn	TV	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 17' 43"	105° 49' 14"	09° 19' 21"	105° 59' 00"	C-48-68-B-c
sông Bạc Liêu	TV	xã Lai Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 25"	105° 48' 37"	09° 21' 39"	105° 51' 26"	C-48-68-B-c
ấp Âu Thọ A	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 56"	106° 06' 39"					C-48-69-A-c
ấp Âu Thọ B	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 19"	106° 04' 48"					C-48-69-A-c
ấp Giồng Nỗi	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 33"	106° 07' 15"					C-48-69-A-c
ấp Huỳnh Kỳ	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 05"	106° 09' 33"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Mỹ Thanh	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 50"	106° 09' 34"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Trà Sết	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 12"	106° 06' 55"					C-48-69-A-c
ấp Vĩnh Thạnh A	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 57"	106° 07' 40"					C-48-69-(A-b+B-a)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Vĩnh Thạnh B	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 09"	106° 06' 05"					C-48-69-A-c
chùa Pro Lean	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 41"	106° 06' 26"					C-48-69-A-c
chùa Tà Sết	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 16"	106° 06' 56"					C-48-69-A-c
cống S15	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 11"	106° 08' 41"					C-48-69-A-d
cống S16	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 56"	106° 11' 09"					C-48-69-(A-b+B-a)
cống S17	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 41"	106° 09' 36"					C-48-69-(A-b+B-a)
Khu du lịch sinh thái Hồ Bể	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 23"	106° 08' 09"					C-48-69-A-d
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-69-(A-b+B-a); C-48-69-A-c; C-48-69-A-d
cống Rạch Sâu	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 23' 53"	106° 08' 48"					C-48-69-(A-b+B-a)
cửa Mỹ Thanh	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 23"	106° 10' 31"					C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Bà Hai	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 24"	106° 05' 37"	09° 22' 53"	106° 05' 23"	C-48-69-A-a
kênh Bà Kiêu	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 18"	106° 04' 32"	09° 20' 57"	106° 05' 00"	C-48-69-A-c
Kênh Sườn	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 47"	106° 08' 14"	09° 20' 51"	106° 04' 33"	C-48-69-A-c; C-48-69-(A-b+B-a); C-48-69-A-d
rạch Bà Xăm	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 55"	106° 04' 36"	09° 24' 16"	106° 07' 11"	C-48-69-A-a
rạch Củ Cải	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 38"	106° 06' 55"	09° 21' 38"	106° 04' 26"	C-48-69-A-c; C-48-69-A-a
rạch Giồng Chùa	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 42"	106° 09' 35"	09° 24' 39"	106° 09' 23"	C-48-69-(A-b+B-a)
rạch Hồ Bể	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 46"	106° 08' 38"	09° 22' 42"	106° 09' 35"	C-48-69-A-d; C-48-69-(A-b+B-a)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Tà Khi	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 55"	106° 06' 58"	09° 21' 59"	106° 04' 25"	C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
sông Mỹ Thanh	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-(A-b+B-a); C-48-69-A-a
sông Trà Niên	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 02"	106° 01' 12"	09° 24' 49"	106° 07' 33"	C-48-69-A-a; C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Đặng Văn Đông	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 33"	105° 58' 12"					C-48-68-B-d
ấp Kinh Mới	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 26"	105° 58' 15"					C-48-68-B-b
ấp Ngã Tư	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 55"	105° 58' 17"					C-48-68-B-b
ấp Phạm Kiểu	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 58"	105° 57' 15"					C-48-68-B-b
ấp Tân Hưng	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 23' 27"	105° 57' 20"					C-48-68-B-b
ấp Tân Lập	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 45"	105° 56' 55"					C-48-68-B-b
ấp Tân Thành A	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 53"	105° 56' 59"					C-48-68-B-d
ấp Tân Thành B	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 41"	105° 56' 29"					C-48-68-B-d
ấp Tân Tỉnh	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 23' 58"	105° 56' 03"					C-48-68-B-b
kênh Phạm Kiều	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 24"	105° 57' 52"	09° 23' 35"	105° 57' 54"	C-48-68-B-b
kênh Tân Hưng	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 11"	105° 57' 14"	09° 24' 07"	105° 56' 34"	C-48-68-B-b
kênh Tân Lập	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 10"	105° 55' 50"	09° 22' 33"	105° 57' 45"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
kênh Thầy Tám	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 04"	105° 55' 59"	09° 23' 10"	105° 55' 51"	C-48-68-B-b
Kênh 40	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 52"	106° 00' 43"	09° 21' 30"	105° 55' 51"	C-48-68-B-d
Kênh Cũ	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 32"	105° 57' 17"	09° 23' 41"	105° 56' 39"	C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 40"	105° 58' 21"	09° 19' 42"	105° 58' 04"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
Kênh Sườn	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 28"	105° 57' 18"	09° 23' 14"	105° 56' 30"	C-48-68-B-b
rạch Trà Nho	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 38"	105° 56' 03"	09° 22' 32"	105° 55' 18"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
sông Cổ Cò	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 39"	105° 51' 26"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b
ấp Điền Giữa	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 06"	105° 52' 03"					C-48-68-B-c
ấp Năm Căn	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 21"	105° 50' 59"					C-48-68-B-c
ấp Nô Puôl	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 14"	105° 53' 04"					C-48-68-B-d
ấp Nô Thum	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 34"	105° 54' 15"					C-48-68-B-d
ấp Tân Hoà	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 45"	105° 53' 53"					C-48-68-B-d
ấp Tân Nam	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 25"	105° 53' 31"					C-48-68-B-d
ấp Tân Trà	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 19"	105° 53' 08"					C-48-68-B-d
ấp Tham Chu	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 50"	105° 52' 42"					C-48-68-B-d
ấp Trà Vôn A	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 49"	105° 53' 28"					C-48-68-B-d
ấp Trà Vôn B	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 51"	105° 54' 19"					C-48-68-B-d
ấp Xẻo Su	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 07"	105° 51' 32"					C-48-68-B-c
cầu Trà Vôn	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 52"	105° 53' 02"					C-48-68-B-d
chùa Phnô Pôl	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 17"	105° 53' 23"					C-48-68-B-d
chùa Phnô Thum	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 05"	105° 54' 32"					C-48-68-B-d
chùa Thom Ma Chô	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 49"	105° 53' 39"					C-48-68-B-d
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-68-B-d; C-48-68-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Bảy Túc	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 15"	105° 50' 43"	09° 17' 04"	105° 52' 25"	C-48-68-B-c
kênh Vĩnh Hòa	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 18' 53"	105° 53' 02"	09° 17' 21"	105° 53' 26"	C-48-68-B-d
Kênh 40	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 02"	105° 55' 50"	09° 19' 07"	105° 48' 57"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
Kênh 700	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 15' 13"	105° 49' 24"	09° 18' 24"	105° 59' 00"	C-48-68-B-d
Kênh Chùa	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 17' 26"	105° 53' 37"	09° 18' 52"	105° 53' 37"	C-48-68-B-d
Kênh Sườn	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 17' 43"	105° 49' 14"	09° 19' 21"	105° 59' 00"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
rạch Om Trà Nỏ	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 31"	105° 52' 41"	09° 18' 53"	105° 53' 02"	C-48-68-B-d
sông Bạc Liêu	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 25"	105° 48' 37"	09° 21' 39"	105° 51' 26"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
sông Cổ Cò	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 39"	105° 51' 26"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
ấp Trà Quýt	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	09° 42' 02"	105° 53' 57"					C-48-56-D-b
ấp Trà Quýt A	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	09° 42' 33"	105° 54' 13"					C-48-56-D-b
ấp Xây Cáp	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	09° 42' 26"	105° 54' 42"					C-48-56-D-b
ấp Xây Đá	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	09° 43' 06"	105° 54' 27"					C-48-56-D-b
Đường tỉnh 939B	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 42' 24"	105° 53' 46"	09° 38' 18"	105° 48' 34"	C-48-56-D-b
Quốc lộ 1	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-b
kênh 30 tháng 4	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-b
kênh Ông Ướng	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 41' 50"	105° 54' 08"	09° 40' 17"	105° 52' 14"	C-48-56-D-b
kênh xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 45' 14"	105° 51' 41"	09° 37' 52"	105° 57' 02"	C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Xây Cáp	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 43' 24"	105° 54' 32"	09° 41' 46"	105° 54' 27"	C-48-56-D-b
Kênh Cũ	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 43' 40"	105° 53' 50"	09° 43' 29"	105° 54' 25"	C-48-56-D-b
Kênh Đào	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 42' 23"	105° 53' 43"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-b
ấp An Tập	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 39' 30"	105° 53' 12"					C-48-56-D-b
ấp An Trạch	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 39' 17"	105° 56' 18"					C-48-56-D-b
ấp Bưng Tróp A	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 37' 46"	105° 54' 50"					C-48-56-D-b
ấp Bưng Tróp B	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 38' 08"	105° 55' 16"					C-48-56-D-b
ấp Giồng Chùa A	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 38' 56"	105° 55' 57"					C-48-56-D-b
ấp Giồng Chùa B	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 39' 12"	105° 54' 59"					C-48-56-D-b
ấp Phụng Hiệp	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 37' 57"	105° 57' 01"					C-48-56-D-b
cầu An Trạch	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 39' 06"	105° 56' 09"					C-48-56-D-b
cầu Bưng Tróp	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 37' 57"	105° 55' 06"					C-48-56-D-b
chùa Kom Pong Tróp	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 37' 49"	105° 55' 17"					C-48-56-D-b
chùa Peng Som Rách	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 38' 39"	105° 55' 42"					C-48-56-D-b
Đường tỉnh 932	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-D-b
miếu Ông Tà	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 39' 36"	105° 56' 30"					C-48-56-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-b
Quốc lộ 60	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 37' 58"	105° 57' 07"	C-48-56-D-b
kênh 30 tháng 4	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-b
kênh Ba Râu	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 38' 17"	105° 51' 34"	09° 40' 00"	105° 53' 38"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
kênh Đường Sườn	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 39' 45"	105° 54' 18"	09° 39' 03"	105° 53' 41"	C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Ông Út	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 38' 57"	105° 55' 20"	09° 39' 28"	105° 55' 52"	C-48-56-D-b
kênh Tân Phước - An Tập	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 56"	105° 57' 42"	C-48-56-D-b
kênh xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 45' 14"	105° 51' 41"	09° 37' 52"	105° 57' 02"	C-48-56-D-b
Kênh 77	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 37' 42"	105° 55' 34"	09° 36' 00"	105° 53' 53"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
Kênh 85	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 39' 14"	105° 54' 55"	09° 36' 49"	105° 52' 35"	C-48-56-D-b
Kênh 86	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 39' 03"	105° 53' 41"	09° 37' 45"	105° 51' 53"	C-48-56-D-b
Kênh Nhỏ	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 40' 25"	105° 53' 04"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
rạch Ngã Ba Vịnh Xây	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 38' 05"	105° 54' 48"	09° 36' 28"	105° 53' 11"	C-48-56-D-b
rạch Sóc Bưng	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 37' 27"	105° 53' 52"	09° 39' 01"	105° 51' 56"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
rạch Trà Canh	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 38' 39"	105° 55' 19"	09° 41' 03"	105° 52' 09"	C-48-56-D-b
rạch Vũng Thơm	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 40' 04"	105° 55' 24"	09° 39' 14"	105° 54' 55"	C-48-56-D-b
sông Mỹ Hương	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 36' 09"	105° 49' 52"	C-48-56-D-a
ấp Châu Thành	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 08"	105° 54' 35"					C-48-56-D-d
ấp Chông Nô	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 37' 16"	105° 54' 20"					C-48-56-D-d
ấp Hòa Long	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 37' 43"	105° 52' 07"					C-48-56-D-a
ấp Hòa Long A	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 38' 52"	105° 51' 53"					C-48-56-D-a
ấp Hòa Quới	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 37' 12"	105° 53' 09"					C-48-56-D-d
ấp Kinh Mới	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 32"	105° 53' 06"					C-48-56-D-d
ấp Phú Ninh	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 37' 00"	105° 56' 28"					C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Phú Ninh A	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 37' 32"	105° 56' 49"					C-48-56-D-b
ấp Xà Lan	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 08"	105° 55' 36"					C-48-56-D-d
cầu Rạch Chùa	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 17"	105° 54' 53"					C-48-56-D-d
cầu Tà Liêm	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 35' 50"	105° 54' 05"					C-48-56-D-d
chợ Bố Thảo	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 08"	105° 54' 39"					C-48-56-D-d
chùa Tum Núp	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 12"	105° 54' 49"					C-48-56-D-d
Đường tỉnh 938	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 00"	105° 56' 34"	09° 33' 36"	105° 48' 11"	C-48-56-D-d
Đường tỉnh 939	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
tịnh xá Giác Linh Tự	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 01"	105° 54' 30"					C-48-56-D-d
tịnh xá Ngọc Hoà	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 35' 56"	105° 54' 21"					C-48-56-D-d
kênh Ba Râu	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 38' 17"	105° 51' 34"	09° 40' 00"	105° 53' 38"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
kênh Lộ Quẹo	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 27"	105° 51' 32"	09° 36' 49"	105° 52' 34"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
kênh Phú Tức	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 36' 00"	105° 56' 28"	09° 34' 15"	105° 54' 49"	C-48-56-D-d
kênh Tam Sóc	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 33' 34"	105° 48' 02"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-d
kênh Tân Phước - An Tập	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 56"	105° 57' 42"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
kênh xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 45' 14"	105° 51' 41"	09° 37' 52"	105° 57' 02"	C-48-56-D-b
kênh xáng Xà Lan	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 36' 34"	105° 57' 57"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-d
Kênh 77	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 42"	105° 55' 34"	09° 36' 00"	105° 53' 53"	C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh 85	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 39' 14"	105° 54' 55"	09° 36' 49"	105° 52' 35"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
Kênh 86	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 39' 03"	105° 53' 41"	09° 37' 45"	105° 51' 53"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
Kênh 87	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 33"	105° 56' 11"	09° 36' 26"	105° 54' 53"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
Kênh Mới	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 35' 49"	105° 54' 05"	09° 36' 49"	105° 52' 35"	C-48-56-D-d
Kênh Nổi	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 36' 03"	105° 53' 48"	09° 34' 15"	105° 49' 57"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
rạch Hòa Long	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 35"	105° 52' 21"	09° 37' 46"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a
rạch Ngã Ba Vịnh Xây	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 38' 05"	105° 54' 48"	09° 36' 28"	105° 53' 11"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
rạch Phú Tức	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 36' 16"	105° 56' 18"	09° 36' 17"	105° 57' 22"	C-48-56-D-d
rạch Sóc Bưng	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 27"	105° 53' 52"	09° 39' 01"	105° 51' 56"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a; C-48-56-D-d
rạch Tà On	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 36' 09"	105° 49' 52"	09° 36' 24"	105° 53' 15"	C-48-56-D-d
rạch Tức Xáp	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 02"	105° 53' 21"	09° 37' 01"	105° 52' 15"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-b; C-48-56-D-a; C-48-56-D-d
Rạch Miễu	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 38"	105° 52' 24"	09° 38' 32"	105° 51' 38"	C-48-56-D-a
sông Mỹ Hương	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 36' 09"	105° 49' 52"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
ấp Cống Đôi	DC	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành	09° 44' 58"	105° 51' 50"					C-48-56-D-a
ấp Đắc Lực	DC	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành	09° 43' 45"	105° 51' 04"					C-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Đắc Thắng	DC	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành	09° 42' 39"	105° 51' 05"					C-48-56-D-a
ấp Đắc Thế	DC	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành	09° 44' 33"	105° 51' 09"					C-48-56-D-a
ấp Đắc Thời	DC	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành	09° 42' 34"	105° 51' 27"					C-48-56-D-a
ấp Kinh Đào	DC	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành	09° 41' 30"	105° 52' 37"					C-48-56-D-b
ấp Xây Đá A	DC	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành	09° 43' 55"	105° 52' 42"					C-48-56-D-b
ấp Xây Đá B	DC	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành	09° 43' 12"	105° 53' 12"					C-48-56-D-b
chùa Tà Khvich Thmây	KX	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành	09° 43' 04"	105° 53' 12"					C-48-56-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a; C-48-56-B-c
kênh Bà Năm Hương	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 44' 23"	105° 54' 10"	09° 43' 44"	105° 52' 46"	C-48-56-D-b
kênh Ba Rinh Cũ	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 45' 22"	105° 51' 10"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a; C-48-56-B-c
kênh Chùa Mới	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 44' 06"	105° 54' 15"	09° 43' 01"	105° 53' 18"	C-48-56-D-b
kênh Chùa Mới - Kinh Giòn	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 43' 07"	105° 53' 12"	09° 43' 04"	105° 51' 22"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
kênh Hồ Đắc Kiện	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 45' 53"	105° 51' 12"	09° 40' 59"	105° 51' 00"	C-48-56-D-a; C-48-56-B-c
kênh Lâm Trường	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 46' 29"	105° 50' 46"	09° 42' 20"	105° 50' 25"	C-48-56-D-a; C-48-56-B-c
kênh Năm Hào	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 44' 03"	105° 52' 31"	09° 44' 00"	105° 51' 21"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
kênh Phú Cường	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 44' 38"	105° 52' 08"	09° 44' 40"	105° 54' 05"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 45' 14"	105° 51' 41"	09° 37' 52"	105° 57' 02"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b; C-48-56-B-c
Kênh Chùa	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 42' 39"	105° 46' 40"	09° 44' 35"	105° 49' 56"	C-48-56-D-a
Kênh Cũ	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 43' 40"	105° 53' 50"	09° 43' 29"	105° 54' 25"	C-48-56-D-b
Kênh Đào	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 42' 23"	105° 53' 43"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
Kênh Giòn	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 43' 04"	105° 51' 22"	09° 43' 35"	105° 48' 16"	C-48-56-D-a
Kênh Lý	TV	xã Hồ Đắc Kiện	H. Châu Thành			09° 42' 09"	105° 47' 58"	09° 44' 35"	105° 49' 56"	C-48-56-D-a
ấp Giồng Cát	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 44' 13"	105° 54' 52"					C-48-56-D-b
ấp Phú Bình	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 42' 41"	105° 55' 54"					C-48-56-D-b
ấp Phú Hòa A	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 42' 59"	105° 55' 34"					C-48-56-D-b
ấp Phú Hòa B	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 42' 31"	105° 56' 22"					C-48-56-D-b
ấp Phú Hữu	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 42' 39"	105° 56' 49"					C-48-56-D-b
ấp Phú Thành A	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 42' 00"	105° 58' 57"					C-48-56-D-b
ấp Phú Thành B	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 41' 36"	105° 57' 42"					C-48-56-D-b
ấp Sóc Tháo	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 43' 21"	105° 55' 10"					C-48-56-D-b
ấp Thọ Hòa Đông A	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 42' 18"	105° 57' 41"					C-48-56-D-b
ấp Thọ Hòa Đông B	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 41' 56"	105° 57' 46"					C-48-56-D-b
chùa Phnô Rô Ka	KX	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 41' 44"	105° 57' 37"					C-48-56-D-b
chùa Quan Thánh Đế	KX	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 41' 19"	105° 57' 35"					C-48-56-D-b
Đường tỉnh 932	KX	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-D-b
miếu Ông Tà	KX	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 41' 19"	105° 57' 18"					C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh 30 tháng 4	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
kênh An Mỹ - 30 tháng 4	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 38' 59"	105° 57' 47"	C-48-56-D-b
kênh Bà Năm Hương	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 44' 23"	105° 54' 10"	09° 43' 44"	105° 52' 46"	C-48-56-D-b
kênh Cầu Chùa	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 41' 45"	105° 57' 41"	09° 41' 13"	105° 59' 14"	C-48-56-D-b
kênh Cây Kè	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 41' 22"	105° 58' 24"	09° 41' 05"	105° 59' 08"	C-48-56-D-b
kênh Cây Vông	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 41' 27"	105° 56' 44"	09° 44' 09"	105° 55' 21"	C-48-56-D-b
kênh Chùa Mới	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 44' 06"	105° 54' 15"	09° 43' 01"	105° 53' 18"	C-48-56-D-b
kênh Mương Lộ	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 55' 03"	105° 54' 18"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-D-b
kênh Na Tưng	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 45' 07"	105° 55' 35"	09° 44' 17"	105° 58' 17"	C-48-56-D-b
kênh Năm Hải	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 45' 10"	105° 51' 44"	09° 45' 04"	105° 54' 00"	C-48-56-B-d
kênh Ô Quên	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 43' 13"	105° 59' 54"	09° 41' 20"	105° 56' 56"	C-48-56-D-b
kênh Pà Chắt	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 42' 30"	105° 57' 48"	09° 43' 20"	105° 57' 13"	C-48-56-D-b
kênh Phú Cường	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 44' 38"	105° 52' 08"	09° 44' 40"	105° 54' 05"	C-48-56-D-b
kênh Tân Sến	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 43' 01"	105° 59' 27"	09° 43' 14"	105° 57' 59"	C-48-56-D-b
kênh Vũng Thơm	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 41' 13"	105° 59' 14"	09° 40' 49"	106° 00' 24"	C-48-56-D-b
Kênh 77	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 41' 19"	105° 57' 01"	09° 43' 06"	105° 57' 26"	C-48-56-D-b
Kênh Cũ	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 43' 40"	105° 53' 50"	09° 43' 29"	105° 54' 25"	C-48-56-D-b
rạch Giồng Cát	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 44' 09"	105° 55' 21"	09° 45' 11"	105° 54' 00"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
rạch Kinh Nổi	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 42' 46"	105° 57' 37"	09° 44' 28"	105° 57' 45"	C-48-56-D-b
rạch Vườn Dơi	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 45' 44"	105° 55' 56"	09° 44' 09"	105° 55' 21"	C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông Vũng Thơm	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 41' 51"	105° 56' 15"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-D-b
ấp Phước An	DC	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 40' 49"	105° 57' 23"					C-48-56-D-b
ấp Phước Hòa	DC	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 40' 19"	105° 56' 49"					C-48-56-D-b
ấp Phước Lợi	DC	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 41' 16"	105° 57' 39"					C-48-56-D-b
ấp Phước Phong	DC	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 41' 12"	105° 57' 05"					C-48-56-D-b
ấp Phước Quới	DC	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 40' 56"	105° 57' 20"					C-48-56-D-b
ấp Phước Thuận	DC	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 39' 52"	105° 56' 42"					C-48-56-D-b
chùa Buôl Pres Phek	KX	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 39' 59"	105° 56' 41"					C-48-56-D-b
chùa Chăm Pa	KX	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 41' 06"	105° 57' 12"					C-48-56-D-b
Đường tỉnh 932	KX	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-D-b
miếu Phật Nổi	KX	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 40' 36"	105° 57' 11"					C-48-56-D-b
Quốc lộ 60	KX	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 37' 58"	105° 57' 07"	C-48-56-D-b
Trại tạm giam Sóc Trăng	KX	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 39' 38"	105° 56' 46"					C-48-56-D-b
kênh 30 tháng 4	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-b
kênh 6 Thước	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 38' 59"	105° 57' 47"	09° 38' 30"	105° 59' 29"	C-48-56-D-b
kênh An Mỹ - 30 tháng 4	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 38' 59"	105° 57' 47"	C-48-56-D-b
kênh Cây Kè	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 41' 22"	105° 58' 24"	09° 41' 05"	105° 59' 08"	C-48-56-D-b
kênh Chong Xàm Rong	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 40' 25"	105° 55' 38"	09° 40' 08"	105° 56' 38"	C-48-56-D-b
kênh Hồ Nước Ngọt	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 41' 18"	105° 57' 33"	09° 36' 55"	105° 58' 10"	C-48-56-D-b
kênh Nước Ngọt Cũ	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 40' 32"	105° 57' 17"	09° 40' 19"	105° 58' 38"	C-48-56-D-b
kênh Ô Quên	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 43' 13"	105° 59' 54"	09° 41' 20"	105° 56' 56"	C-48-56-D-b
kênh Trà Canh	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 41' 20"	105° 56' 56"	09° 40' 07"	105° 55' 24"	C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Xây Chô	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 39' 21"	105° 57' 30"	09° 41' 21"	105° 58' 26"	C-48-56-D-b
sông Vũng Thơm	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 41' 51"	105° 56' 15"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-D-b
ấp An Tập	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 40' 07"	105° 51' 52"					C-48-56-D-a
ấp Đắc Thắng	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 41' 38"	105° 51' 36"					C-48-56-D-a
ấp Mương Khai	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 40' 29"	105° 50' 00"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ An	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 40' 29"	105° 51' 43"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Đức	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 39' 59"	105° 51' 00"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Phú	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 40' 12"	105° 50' 38"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Tân	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 41' 11"	105° 50' 25"					C-48-56-D-a
chùa Pro Lean	KX	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 41' 31"	105° 49' 44"					C-48-56-D-a
Đường tỉnh 939B	KX	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 42' 24"	105° 53' 46"	09° 38' 18"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a
kênh 8 Thước (Vườn Cò)	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 41' 27"	105° 49' 46"	09° 39' 53"	105° 49' 35"	C-48-56-D-a
kênh Ba Rinh	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 27"	105° 50' 57"	09° 37' 55"	105° 50' 54"	C-48-56-D-a
kênh Ba Rinh Cũ	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 45' 22"	105° 51' 10"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a
kênh Cầu Tre	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 12"	105° 51' 56"	09° 39' 27"	105° 50' 57"	C-48-56-D-a
kênh Chệt Siều	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 41' 34"	105° 49' 30"	09° 42' 37"	105° 49' 39"	C-48-56-D-a
kênh Điện Huyện	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 39' 44"	105° 51' 56"	C-48-56-D-a
kênh Giao Thông	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 40' 30"	105° 50' 59"	09° 39' 48"	105° 50' 13"	C-48-56-D-a
kênh Hồ Đắc Kiện	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 45' 53"	105° 51' 12"	09° 40' 59"	105° 51' 00"	C-48-56-D-a
kênh Mương Khai	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 41' 23"	105° 49' 58"	09° 37' 32"	105° 50' 53"	C-48-56-D-a
kênh Mỹ An	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 44"	105° 51' 56"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a
kênh Ông Ướng	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 41' 50"	105° 54' 08"	09° 40' 17"	105° 52' 14"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Tân Phước - An Tập	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 56"	105° 57' 42"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
Kênh 12	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 40' 42"	105° 51' 44"	09° 38' 19"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a
Kênh Đào	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 42' 23"	105° 53' 43"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a
Kênh Nhỏ	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 40' 25"	105° 53' 04"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
Kênh Xáng	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 40' 58"	105° 51' 00"	09° 39' 27"	105° 50' 57"	C-48-56-D-a
rạch Láng Bồn Bồn	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 02"	105° 48' 54"	09° 39' 48"	105° 50' 12"	C-48-56-D-a
rạch Trà Canh	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 38' 39"	105° 55' 19"	09° 41' 03"	105° 52' 09"	C-48-56-D-b
sông Mỹ Hương	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 36' 09"	105° 49' 52"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
ấp Sa Bâu	DC	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 40' 54"	105° 54' 45"					C-48-56-D-b
ấp Trà Canh A1	DC	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 40' 36"	105° 55' 05"					C-48-56-D-b
ấp Trà Canh A2	DC	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 41' 08"	105° 54' 43"					C-48-56-D-b
ấp Trà Canh B	DC	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 40' 13"	105° 55' 09"					C-48-56-D-b
ấp Trà Quýt B	DC	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 41' 30"	105° 54' 18"					C-48-56-D-b
chùa Tà Khvich Chăs	KX	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 41' 37"	105° 54' 15"					C-48-56-D-b
Đường tỉnh 939B	KX	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 42' 24"	105° 53' 46"	09° 38' 18"	105° 48' 34"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
nhà thờ Trà Canh	KX	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 41' 38"	105° 54' 21"					C-48-56-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-b
kênh 30 tháng 4	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Hai Nam	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 39' 40"	105° 54' 56"	09° 41' 22"	105° 52' 31"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
kênh Ông Đực	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 40' 00"	105° 53' 39"	09° 40' 57"	105° 54' 42"	C-48-56-D-b
kênh Ông Ướng	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 41' 50"	105° 54' 08"	09° 40' 17"	105° 52' 14"	C-48-56-D-b
kênh Sa Bâu	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 40' 57"	105° 54' 47"	09° 41' 19"	105° 53' 29"	C-48-56-D-b
kênh Trà Canh	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 41' 20"	105° 56' 56"	09° 40' 07"	105° 55' 24"	C-48-56-D-b
kênh xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 45' 14"	105° 51' 41"	09° 37' 52"	105° 57' 02"	C-48-56-D-b
Kênh Đào	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 42' 23"	105° 53' 43"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
rạch Trà Canh	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 38' 39"	105° 55' 19"	09° 41' 03"	105° 52' 09"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
rạch Trà Tép	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 40' 10"	105° 55' 09"	09° 40' 42"	105° 54' 01"	C-48-56-D-b
rạch Vũng Thơm	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 40' 04"	105° 55' 24"	09° 39' 14"	105° 54' 55"	C-48-56-D-b

(Xem tiếp Công báo số 1003 + 1004)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng